

Bản án số: **44/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: **04/7/2024**.

V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn
Và kiện đòi lại tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Ông Hán Văn Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1995 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Tấn L, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Tấn L chung sống từ năm 2016 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 29/3/2017. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; Quá trình chung sống

vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp, nay bà đã hết tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Đoan A, sinh ngày 09/02/2016. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

Quá trình chung sống với ông L thì mẹ chồng là bà Huỳnh Thị B có nói bằng miệng là cho vợ chồng phần diện tích đất khoảng 84,1m² tại thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải để vợ chồng có chỗ ở, đến đầu năm 2023 bà bỏ tiền riêng khoảng 600.000.000đ để xây dựng nhà cấp 4 và các tài sản khác (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án) trên toàn bộ thửa đất để làm chỗ ở cho vợ chồng, còn ông L thì không đóng góp đồng nào cả; Sau khi xây dựng nhà xong thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông L đuổi bà và con đi và từ đó đến nay ông L ở một mình tại căn nhà này.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ bà đồng ý và xác nhận tài sản bà bỏ tiền ra xây dựng chính là trên thửa 125, tờ bản đồ số 18b xã Phước Hải, huyện Ninh Phước đứng tên cha chồng là ông Phan Tấn L; Tài sản được xác định qua phiên xem xét thẩm định gồm:

- + Nhà ở diện tích 14,5m x 5,8m = 84,1m², trị giá 378.450.000đ;
- + Mái che kích thước 7,5m x 5,8m = 43,5m², trị giá 21.689.100đ;
- + Sân lát gạch hoa kích thước 7,5m x 5,8m = 43,5m², trị giá 11.588.400đ;
- + Hàng rào 01 có tường rào lưới B40, trụ bê tông dài 23,5md, cao 02m, trị giá 40.185.000đ.
- + Hàng rào 02 có tường rào xây gạch có khung sắt kết hợp, dài 16,6md, cao 2,5m, trị giá 59.760.000đ.
- + Cổng sắt có 04m², có công tháo dỡ 168.000đ;
- + Trụ gạch kích thước 0,4m x 0,4m x 2,5m = 0,8m³, trị giá 1.774.080đ.

Hội đồng xem xét thẩm định xác định tỷ lệ còn lại của khối tài sản trên là 90%.

Tổng trị giá tài sản là nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 là 513.614.580đ.

Bà Nguyễn Thị X đồng ý và xác nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là đúng sự thật.

Do nhà xây dựng trên thửa đất nhà chồng nên bà không tranh chấp đất, bà yêu cầu giao toàn bộ nhà và vật kiến trúc trên cho ông Phan Tấn L và bà yêu cầu ông L phải hoàn lại cho bà chi phí xây dựng ngôi nhà, tuy nhiên bà tự nguyện giảm mức tiền hoàn lại, cụ thể là bà chỉ yêu cầu ông L hoàn lại cho bà 250.000.000đ là một phần chi phí xây dựng nhà trên thửa 125.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu toàn bộ.

- *Tại 02 biên bản lấy lời khai cùng ngày 20/02/2024 bị đơn ông Phan Tấn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hải, huyện Ninh Phước vào năm 2017; Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải; Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên đến nay đã đến mức trầm trọng vì vậy nay bà X yêu cầu được ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Đoan A, sinh ngày 09/02/2016. Ông đồng ý giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được tài sản là nhà và vật kiến trúc khác trên phần diện tích đất tại thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước; Đối với đất thì do mẹ chồng là bà Huỳnh Thị B cho ông bằng miệng sau khi vợ chồng cưới nhau, chi phí xây dựng ngôi nhà tổng số khoảng 600.000.000đ như bà X trình bày là đúng sự thật, tiền xây nhà thì ông không bỏ ra mà hoàn toàn là bà X tự lo liệu; Trước yêu cầu chia trị giá xây dựng ngôi nhà của bà Nguyễn Thị X thì ông không đồng ý mà ông đề nghị để lại cho con sau này lớn lên sẽ sử dụng, hiện tại thì ông không cho bà X ở mà ông ở tạm để giữ cho con.

Ông L cho rằng vợ chồng có khoản nợ chung tại ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam là 50.000.000đ và nợ mẹ chồng bà Huỳnh Thị Ba 40.000.000đ nhưng ông L không xuất trình chứng cứ kèm theo cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi cung cấp lời khai thì ông L không đến Tòa làm việc và cũng không khai báo gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành theo thông báo, quyết định của Tòa án; Bị đơn chỉ cung cấp lời khai sau đó không đến Tòa làm việc coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con khi ly hôn với ông Phan Tấn L; Về tài sản: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị X; Bà X khởi kiện yêu cầu ông L phải hoàn lại trị giá tài sản vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn và kiện đòi lại tài sản” theo khoản 1 và khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Tấn L có địa chỉ cư trú tại thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn ông Phan Tấn L đã cung cấp lời khai và nêu ý kiến về tranh chấp của bà Nguyễn Thị X nhưng sau đó ông L không đến Tòa nữa, ông L cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì; Tại phiên tòa hôm nay ông L cũng vắng mặt không có lý do coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện xin ly hôn ông Phan Tấn L. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị X và ông Phan Tấn L chung sống từ năm 2017 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 29/3/2017, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà X khởi kiện ra Tòa yêu cầu được ly hôn, bị đơn ông Phan Tấn L đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị X nhưng vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Phan Tấn L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị X và ông Phan Tấn L có 01 con chung tên 01 con chung tên Phan Thị Đoan A, sinh ngày 09/02/2016; Bà Nguyễn Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn ông Phan Tấn L đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Phan Thị Đoan A, sinh ngày 09/02/2016 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu ông Phan Tấn L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản:

Bà Nguyễn Thị X khởi kiện cho rằng quá trình chung sống với ông Phan Tấn L, bà bỏ tiền riêng ra xây dựng khối tài sản trên thửa 125 gồm:

- + Nhà ở diện tích $14,5\text{m} \times 5,8\text{m} = 84,1\text{m}^2$, trị giá 378.450.000đ;
- + Mái che kích thước $7,5\text{m} \times 5,8\text{m} = 43,5\text{m}^2$, trị giá 21.689.100đ;
- + Sân lát gạch hoa kích thước $7,5\text{m} \times 5,8\text{m} = 43,5\text{m}^2$, trị giá 11.588.400đ;
- + Hàng rào 01 có tường rào lưới B40, trụ bê tông dài 23,5md, cao 02m, trị giá 40.185.000đ.

- + Hàng rào 02 có tường rào xây gạch có khung sắt kết hợp, dài 16,6md, cao 2,5m, trị giá 59.760.000đ.

- + Cổng sắt có 04m^2 , có công tháo dỡ 168.000đ;

- + Trụ gạch kích thước $0,4\text{m} \times 0,4\text{m} \times 2,5\text{m} = 0,8\text{m}^3$, trị giá 1.774.080đ.

Hội đồng xem xét thẩm định xác định tỷ lệ còn lại của khối tài sản trên là 90%.

Tổng trị giá tài sản là nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 là 513.614.580đ.

Bà Nguyễn Thị X đồng ý và xác nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là đúng sự thật.

Bị đơn ông Phan Tấn L xác nhận tiền xây dựng nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 với tổng số khoảng 600.000.000đ, ông L cũng xác nhận tiền xây dựng hoàn toàn là tiền riêng của bà X vì vậy Hội đồng xét xử xác định tiền xây dựng ngôi nhà và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa 125 là tiền riêng của bà Nguyễn Thị X.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định được trị giá ngôi nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 là 513.614.580đ; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu giao toàn bộ khối tài sản này cho ông L sở hữu và hoàn lại tiền cho bà X, bị đơn ông Phan Tấn L không đồng ý theo yêu cầu của bà X mà yêu cầu được ở trong căn nhà này vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao toàn bộ khối tài sản này cho ông L được sở hữu.

Đối với nghĩa vụ hoàn tiền: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu ông Phan Tấn L hoàn lại trị giá ngôi nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 cho bà X, đến phiên hòa giải bà X tự nguyện giảm mức tiền hoàn lại mà chỉ yêu cầu ông L hoàn lại số tiền là 250.000.000đ; Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản đang tranh chấp là nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125 do tiền riêng của bà X bỏ ra xây dựng và mức đề nghị bà X yêu cầu thấp hơn trị giá tài sản đang tranh chấp đồng thời yêu cầu này của bà X là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận, buộc ông Phan Tấn L phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000đ là một phần chi phí xây dựng ngôi nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125, tờ bản đồ số 18b xã Phước Hải, huyện Ninh Phước.

Về đất: Thừa đất số 125, tờ bản đồ địa chính số 18b xã Phước Hải, huyện Ninh Phước đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Tấn L1 ngày 26/8/2013 - là cha ông Phan Tấn L (Theo kết quả xác minh tại UBND xã Phước Hải ngày 26/4/2024); Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không tranh chấp và bị đơn ông Phan Tấn L cũng không có yêu cầu gì về thừa đất trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu toàn bộ, bị đơn ông Phan Tấn L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận sự tự nguyện này của bà X; Bà X đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn ông Phan Tấn L có kê khai về nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí đòi lại tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Phan Tấn L phải chịu 12.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm về đòi lại tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các khoản 1 và 8 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 43, 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 26 và 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Phan Tấn L.

2. Về người trực tiếp nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị X có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Đoan A, sinh ngày 09/02/2016.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền bình đẳng với người trực tiếp nuôi con về việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản:

- Giao cho ông Phan Tấn L được quyền sở hữu toàn bộ khối tài sản là căn nhà cấp 4 và vật kiến trúc khác trên thửa đất số 125, tờ bản đồ địa chính số 18b xã Phước Hải, huyện Ninh Phước gồm:

+ Nhà ở diện tích $14,5m \times 5,8m = 84,1m^2$.

+ Mái che kích thước $7,5m \times 5,8m = 43,5m^2$.

+ Sân lát gạch hoa kích thước $7,5m \times 5,8m = 43,5m^2$.

+ Hàng rào 01 có tường rào lưới B40, trụ bê tông dài 23,5md, cao 02m.

+ Hàng rào 02 có tường rào xây gạch có khung sắt kết hợp, dài 16,6md, cao 2,5m.

+ Cổng sắt có $04m^2$.

+ Trụ gạch kích thước $0,4m \times 0,4m \times 2,5m = 0,8m^3$.

- Buộc ông Phan Tấn L phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là một phần chi phí xây dựng ngôi nhà và vật kiến trúc khác trên thửa 125.

- Về đất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không tranh chấp và bị đơn ông Phan Tấn L cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu toàn bộ, bà Xiêm đã nộp đủ.

7. Về án phí:

Về án phí ly hôn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Xiêm đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000959, ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí đòi lại tài sản: Bị đơn ông Phan Tấn L phải chịu 12.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí về kiện đòi tài sản; Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000960, ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/7/2024); Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKS ND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Phước Hải (2017);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Cốc